



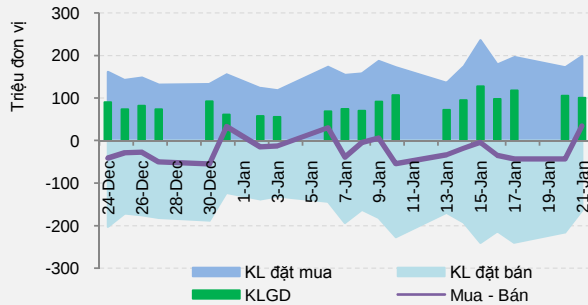
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 21/1/2014

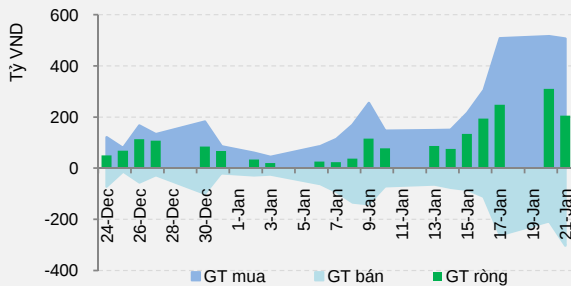
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	559.9	73.6
% Thay đổi	↑ 1.1%	↑ 1.5%
KLGD (CP)	100,920,439	51,424,573
GTGD (tỷ đồng)	1,981.66	551.50
Tổng cung (CP)	163,611,000	80,241,200
Tổng cầu (CP)	198,062,120	82,394,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	7,091,230	1,025,570
KL mua (CP)	15,813,480	5,629,500
GTmua (tỷ đồng)	507.31	100.19
GT bán (tỷ đồng)	301.84	18.07
GT ròng (tỷ đồng)	205.47	82.12

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.74%	7.8	1.8	2.1%
Công nghiệp	↑ 1.21%	216.8	1.2	15.3%
Dầu khí	↑ 7.57%	9.9	1.8	8.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.03%	14.7	2.0	1.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.95%	9.4	3.0	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.90%	13.1	5.4	17.6%
Ngân hàng	↑ 1.36%	11.4	1.3	8.9%
Nguyên vật liệu	↑ 1.32%	11.3	2.3	11.3%
Tài chính	↑ 3.74%	19.1	2.7	27.7%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.18%	10.4	3.9	6.4%
VN - Index	↑ 1.13%	13.2	3.2	79.3%
HNX - Index	↑ 1.46%	17.8	1.9	20.7%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,146,370	1.1%	1,129,150	1.1%
GTGD (tỷ VND)	31,775	1.6%	34,831	1.8%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index giảm đầu phiên khi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn chịu áp lực chốt lời sau nhiều phiên tăng liên tiếp. Dòng tiền có xu hướng chuyển sang nhóm cổ phiếu midcap cơ bản và nhóm cổ phiếu penny đã có thời gian điều chỉnh tích lũy. Đà tăng giá tăng dần về cuối phiên, khi khối ngoại tiếp tục diễn biến mua ròng tại nhóm cổ phiếu lớn, và áp lực cung giá thấp toàn thị trường không nhiều. Chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên, lượng cổ phiếu tăng giá khá phổ biến.

Chỉ số HNX-Index tăng điểm trở lại sau hai phiên giảm điểm liên tiếp, khi tiền gần mốc hỗ trợ kỹ thuật khoảng 72 điểm. Lực mua từ NĐTNN tại nhóm cổ phiếu dầu khí cũng đóng vai trò khá mạnh hỗ trợ thị trường chung.

Với phiên tăng điểm này, chỉ số VN-Index đã tiến sát ngưỡng cản kỹ thuật 560 điểm (giao điểm của đường thẳng nối đỉnh của VN-Index trong 2 năm 2012-2013 và mức phục hồi 61.8% của đường Fibonacci Projection về từ xu hướng tăng giá cuối năm 2012), chỉ số HNX-Index đã tiến sát ngưỡng cản kỹ thuật 74 điểm, tương đương mức phục hồi 100% của dải Fibonacci Projection về từ xu hướng tăng giá cuối năm 2012.

Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường mạnh mẽ như hiện tại, chỉ số Index khả năng sẽ vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật trên. Ngưỡng cản quan trọng tiếp theo của chỉ số VN-Index là khoảng 630 điểm, chỉ số HNX-Index là khoảng 78 điểm.

Tuy nhiên, với thực tế thị trường đang chịu ảnh hưởng từ giao dịch của NĐTNN và mức độ dao động giá của nhóm cổ phiếu vốn hóa tác động không nhỏ đến thị trường chung, việc mua mới cổ phiếu đã tăng nóng là khá rủi ro. Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang tiếp diễn. Việc lựa chọn cổ phiếu nên quan tâm đến yếu tố cơ bản, thuộc ngành nghề được đánh giá triển vọng như dầu khí, xuất khẩu, xây dựng, VLXD, BĐS, được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index tăng 6.25 điểm (1.13%), lên 559.91 điểm, mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 547.65 điểm.

- HNX-Index tăng 1.06 điểm (1.46%), lên 73.56 điểm, mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất trong phiên là 72.17 điểm.

- Theo Hội đồng Vàng thế giới, Việt Nam đã tiêu thụ khoảng 110 tấn vàng trong năm 2013, cao hơn mức tiêu thụ khoảng 100 tấn vàng trong những năm gần đây, cho dù giá vàng thế giới liên tục giảm và trong nước thu hẹp điểm bán vàng.

- Theo Chỉ thị 01 về điều hành hoạt động Ngân hàng của NHNN, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của NHNN trong năm 2014 là huy động nguồn lực vàng tích trữ trong dân trở thành nguồn vốn đầu tư phát triển cho xã hội. Việc huy động dự kiến sẽ vẫn thông qua mua bán, không huy động qua TCTD. Tức là người dân sẽ mua, bán vàng thông qua hệ thống mạng lưới của TCTD và doanh nghiệp kinh doanh vàng. Mặt khác, điều hành linh hoạt ổn định thị trường tiền tệ, tỷ giá và thị trường vàng, khiến tâm lý đầu cơ tích trữ vàng giảm dần, khi mức độ biến động giá thấp. Lợi ích kinh tế từ việc nắm giữ vàng thấp sẽ thúc đẩy người dân bán vàng cho tổ chức được phép theo quan hệ cung cầu theo kinh tế thị trường. Khi các ngân hàng, doanh nghiệp có nhu cầu, NHNN sẽ mua hoặc bán vàng như đơn vị cuối cùng trong chuỗi mua bán.

- Các cơ quan quản lý TTCK đang chuẩn bị cơ sở pháp lý và kỹ thuật cho sự ra đời của quỹ đầu tư ETF đầu tiên tại Việt Nam vào quý 3/2014. Hai số giao dịch chứng khoán HOSE và HNX cũng đã xây dựng nhiều bộ chỉ số mới về vốn hóa và phân ngành, bên cạnh chỉ số VN30, HNX30, làm cơ sở để các quỹ ETF đầu tư khi đi vào hoạt động.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 6.25 điểm (1.13%), lên 559.91 điểm, mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 547.65 điểm.

- KLGD giảm 10% so với phiên trước, xuống 91 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng nhẹ lên mức 88.9 điểm, tiếp tục tiến sâu vào mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày tiếp tục rơi rộng khoảng cách phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng.

Nhận định: Chỉ số VN-Index giảm đầu phiên khi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn chịu áp lực chốt lời sau nhiều phiên tăng liên tiếp. Lực đỡ thị trường chuyển hướng sang nhóm cổ phiếu midcap cơ bản và nhóm cổ phiếu penny đã có thời gian điều chỉnh tích lũy. Đà tăng giá tăng dần về cuối phiên, khi khối ngoại tiếp tục diễn biến mua ròng tại nhóm cổ phiếu lớn, và áp lực cung giá thấp toàn thị trường không nhiều. Chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên, lượng cổ phiếu tăng giá khá phổ biến.

Với phiên tăng điểm này, chỉ số VN-Index đã tiến sát ngưỡng cản kỹ thuật 560 điểm (giao điểm của đường thẳng nối đỉnh của VN-Index trong 2 năm 2012-2013 và mức phục hồi 61.8% của đường Fibonacci Projection về từ xu hướng tăng giá cuối năm 2012). Tuy nhiên, với thực tế dòng tiền tham gia thị trường mạnh mẽ như hiện tại, chúng tôi cho rằng chỉ số Index sẽ vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật trên. Ngưỡng cản quan trọng tiếp theo của chỉ số VN-Index là khoảng 630 điểm.

Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì. Việc lựa chọn cổ phiếu nên quan tâm đến yếu tố cơ bản, thuộc ngành nghề được đánh giá triển vọng như dầu khí, xuất khẩu, xây dựng, VLXD, BĐS, được dòng tiền quan tâm.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 1.06 điểm (1.46%), lên 73.56 điểm, mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 72.17 điểm.

- KLGD tương đương phiên giao dịch trước, ở mức 48.5 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tăng lên mức 80 điểm, tâm lý nhà đầu tư tích cực trở lại. Chỉ báo MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm trở lại sau hai phiên giảm điểm liên tiếp, khi tiến gần mốc hỗ trợ kỹ thuật khoảng 72 điểm. Lực mua từ NĐTNN tại nhóm cổ phiếu đầu khó cũng đóng vai trò khá mạnh hỗ trợ thị trường chung.

Với phiên tăng điểm này, chỉ số HNX-Index đã tiến sát ngưỡng cản kỹ thuật 74 điểm, tương đương mức phục hồi 100% của dải Fibonacci Projection về từ xu hướng tăng giá cuối năm 2012. Tuy nhiên, với thực tế dòng tiền tham gia thị trường mạnh mẽ như hiện tại, chúng tôi cho rằng chỉ số Index sẽ vượt qua ngưỡng cản kỹ thuật trên. Ngưỡng cản quan trọng tiếp theo của chỉ số HNX-Index là khoảng 78 điểm.

Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, khi xu hướng tăng điểm của thị trường vẫn đang duy trì. Việc lựa chọn cổ phiếu nên quan tâm đến yếu tố cơ bản, thuộc ngành nghề được đánh giá triển vọng như dầu khí, xuất khẩu, xây dựng, VLXD, BĐS, được dòng tiền quan tâm.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	TC6	HNX	1187.01	-9.2%	97.17	1690.3%	4262.51	5.9%	59.07	34.3%	126.0%	4.11
2	SAP	HNX	3.79	198.4%	0.59	1575.0%	14.97	22.6%	1.58	54.9%	105.3%	0.18
3	HAS	HOSE	35.67	198.0%	3.22	1510.0%	83.08	-35.0%	3.5	-29.3%	87.5%	21.72
4	THT	HNX	584.4	25.0%	25.11	655.5%	1887.29	19.8%	34.45	83.0%	146.2%	1.93
5	PXS	HOSE	327.59	75.8%	27.21	604.9%	1009.34	-15.7%	76.39	13.3%	77.4%	11.13
6	LUT	HNX	59.97	35.3%	2.16	468.4%	146.74	-14.6%	3.16	-4.2%	31.6%	0.06
7	SCJ	HNX	103.74	44.2%	7.14	466.2%	320.01	27.3%	7.63	164.4%	129.3%	0.81
8	BGM	HOSE	7.62	124.8%	0.5	400.0%	15.11	340.5%	0.13	-81.9%	0.2%	0.33
9	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
10	MDC	HNX	535.59	-13.8%	60.15	367.7%	1534.51	-2.2%	28.75	9.7%	103.7%	17.73

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SVT	HOSE	15.21	1.5%	-0.83	-220.3%	77.18	2.9%	2.64	1100.0%	44.9%	-
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VE2	HNX	28.23	216.1%	2.85	256.3%	39.36	63.6%	3.51	932.4%	129.0%	0.01
4	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
5	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	5.37
6	LGC	HOSE	85.4	155.7%	9.01	292.5%	211.9	46.8%	4.49	434.5%	42.8%	0.25
7	FIT	HNX	2.48	0.0%	16.09	0.0%	37.1	104.5%	34.1	291.5%	144.1%	0.06
8	KAC	HOSE	3.43	42.9%	0.91	102.1%	13.91	-95.1%	1.64	256.5%	10.9%	0.28
9	QCC	HNX	8.74	120.2%	1.13	16.5%	11.13	11.3%	0.4	233.3%	33.3%	0.60
10	NDN	HNX	22.88	-49.1%	2.42	-3.6%	132.33	-5.3%	19.17	165.1%	154.2%	0.09

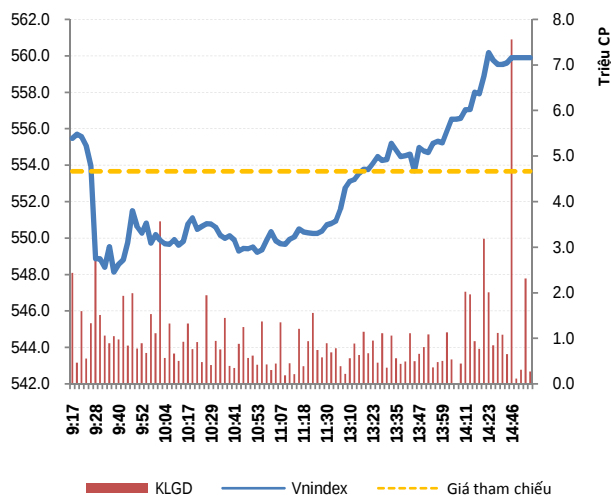
TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	LAS	HNX	612.36	-25.0%	121.83	56.4%	4768.48	6.1%	447.23	13.5%	137.1%	11.69
2	CSM	HOSE	801.19	5.1%	102.91	52.1%	3133.79	3.0%	360.64	42.1%	174.9%	12.60
3	PGD	HOSE	1653.6	15.7%	6.29	-55.9%	6422.14	17.0%	209.1	-8.3%	161.5%	3.81
4	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	5.37
5	CNG	HOSE	240.84	3.4%	29.28	9.3%	949.78	18.5%	123.91	5.1%	102.8%	27.65
6	HGM	HNX	40.87	-8.1%	18.13	-50.4%	165.76	-9.4%	87.26	-36.9%	97.0%	0.90
7	BVS	HNX	54.06	9.2%	7.1	296.6%	207.36	-0.6%	85.7	10.8%	147.4%	3.25
8	HHS	HOSE	151.74	7.3%	23.05	6.4%	498.95	7.8%	82.05	17.4%	102.6%	0.03
9	PXS	HOSE	327.59	75.8%	27.21	604.9%	1009.34	-15.7%	76.39	13.3%	77.4%	11.13
10	NNC	HOSE	89.29	0.4%	13.05	-54.8%	323.25	15.4%	72.07	-7.2%	128.5%	21.29
11	CLC	HOSE	454.75	21.4%	15.51	-28.5%	1602.04	16.1%	71.24	46.2%	190.0%	3.71
12	BTP	HOSE	86.9	-82.9%	-10.14	-121.5%	1140.15	-20.3%	70.43	-48.0%	130.9%	1.68

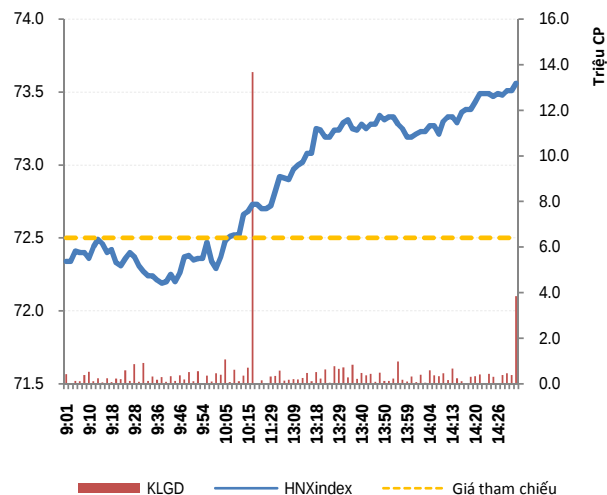
Ghi chú: Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 20/01/2014



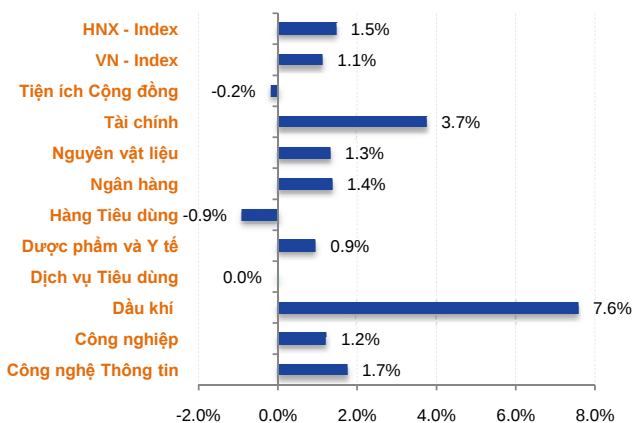
KLGD và VN-Index trong phiên



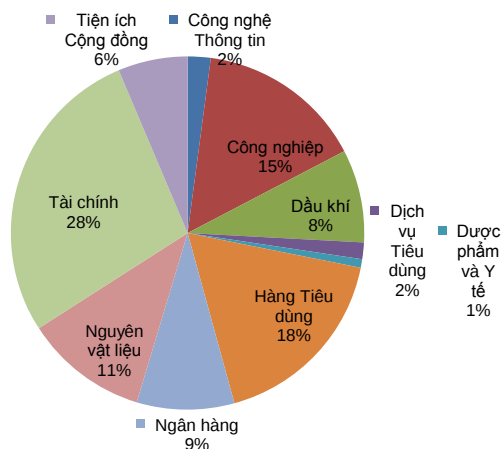
KLGD và HNX-Index trong phiên



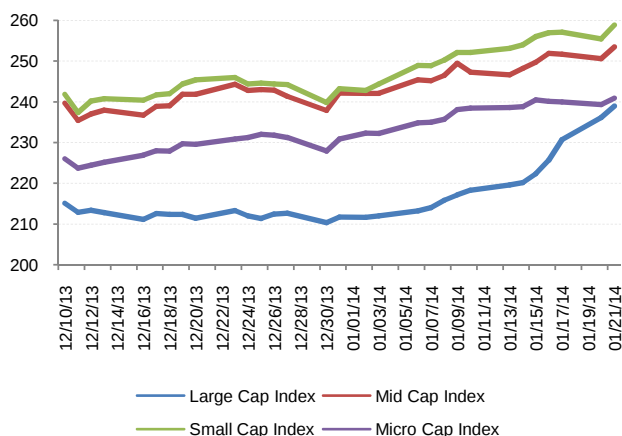
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



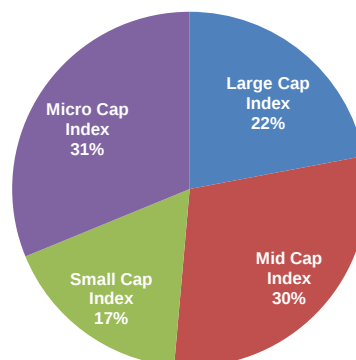
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	1,868,010	DPM	223,510
2	STB	1,404,930	EIB	162,120
3	VCB	972,970	PAC	124,530
4	PPC	766,350	MSN	124,150
5	HAG	621,840	LHG	103,060

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	2,246,730	BVS	66,500
2	SHB	1,702,400	MEC	61,100
3	VCG	635,200	VCR	60,000
4	VND	90,500	DBC	43,700
5	AAA	37,300	PVG	21,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.6	7.0	↑ 6.06%	14,207,610
SSI	20.3	21.2	↑ 4.43%	5,046,660
FLC	7.9	8.4	↑ 6.33%	4,328,680
HAG	21.8	22.1	↑ 1.38%	3,303,200
DPM	48.7	48.0	↓ -1.44%	2,718,660

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	7.2	7.2	→ 0.00%	6,820,193
SHN	4.7	4.3	↓ -8.51%	5,964,740
PVS	26.3	28.9	↑ 9.89%	5,923,783
VCG	10.3	10.9	↑ 5.83%	5,011,339
PVX	2.7	2.8	↑ 3.70%	3,735,823

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
RDP	13.0	15.0	2.0	↑ 15.38%
SRF	18.7	20.0	1.3	↑ 6.95%
KDH	13.0	13.9	0.9	↑ 6.92%
THG	8.8	9.4	0.6	↑ 6.82%
TCM	26.5	28.3	1.8	↑ 6.79%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HBE	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
INC	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
AAA	20.1	22.1	2.0	↑ 9.95%
PVS	26.3	28.9	2.6	↑ 9.89%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SFC	21.5	20.0	-1.5	↓ -6.98%
BRC	11.5	10.7	-0.8	↓ -6.96%
PDR	14.5	13.5	-1.0	↓ -6.90%
VST	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
TDW	16.6	15.5	-1.1	↓ -6.63%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
INN	30.0	27.0	-3.0	↓ -10.00%
RCL	21.4	19.3	-2.1	↓ -9.81%
VCS	20.4	18.4	-2.0	↓ -9.80%
CJC	20.5	18.5	-2.0	↓ -9.76%
MCC	14.4	13.0	-1.4	↓ -9.72%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	14,207,610	0.2%	26	271.6	0.6
SSI	5,046,660	9.9%	1,471	14.4	1.4
FLC	4,328,680	6.3%	990	8.5	0.5
HAG	3,303,200	5.9%	1,095	20.2	1.2
DPM	2,718,660	25.8%	6,550	7.3	1.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	6,820,193	17.1%	1,884	3.8	0.6
SHN	5,964,740	-135.7%	(2,464)	-	5.2
PVS	5,923,783	17.3%	2,872	10.1	1.7
VCG	5,011,339	3.4%	403	27.1	0.9
PVX	3,735,823	-92.1%	(5,013)	-	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
RDP	↑ 15.4%	10.3%	1,787	8.4	0.9
SRF	↑ 7.0%	11.8%	2,467	8.1	0.5
KDH	↑ 6.9%	-18.5%	(4,293)	-	0.7
THG	↑ 6.8%	9.6%	1,435	6.5	0.5
TCM	↑ 6.8%	11.7%	1,525	18.6	1.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HBE	↑ 10.0%	-1.0%	(103)	-	0.5
INC	↑ 10.0%	4.4%	533	10.3	0.4
VE4	↑ 10.0%	8.6%	1,229	7.2	0.6
AAA	↑ 10.0%	11.7%	3,436	6.4	0.8
PVS	↑ 9.9%	17.3%	2,872	10.1	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	1,868,010	0.2%	26	271.6	0.6
STB	1,404,930	5.4%	703	30.0	1.6
VCB	972,970	9.8%	1,757	16.9	1.7
PPC	766,350	39.7%	6,105	4.3	1.7
HAG	621,840	5.9%	1,095	20.2	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	2,246,730	17.3%	2,872	10.1	1.7
SHB	1,702,400	17.1%	1,884	3.8	0.6
VCG	635,200	3.4%	403	27.1	0.9
VND	90,500	10.9%	1,305	10.3	1.1
AAA	37,300	11.7%	3,436	6.4	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	145,915	40.9%	6,696	11.5	4.4
VNM	117,519	40.5%	8,053	17.5	7.0
VIC	72,307	47.1%	6,710	11.8	4.5
MSN	70,919	2.7%	553	174.4	5.4
VCB	68,596	9.8%	1,757	16.9	1.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,836	7.5%	1,027	15.7	1.2
PVS	12,910	17.3%	2,872	10.1	1.7
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
SHB	6,380	17.1%	1,884	3.8	0.6
OCH	5,520	5.9%	687	40.2	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	2.96	12.5%	1,402	6.6	0.8
BVH	2.29	9.0%	1,618	29.2	2.7
HVX	2.17	-7.7%	(703)	-	1.1
PXM	2.14	670.8%	(12,445)	-	(0.3)
FCN	1.65	23.8%	4,503	5.0	1.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	8.45	-0.2%	(21)	-	0.4
BKC	4.45	-30.3%	(3,745)	-	1.2
NVC	4.43	442.9%	(8,371)	-	(0.4)
YBC	3.49	-94.4%	(4,398)	-	1.8
SCR	3.48	-1.1%	(160)	-	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)